

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2023/LĐ-PT
Ngày: 17/02/2023
V/v Tranh chấp về đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tài
Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 96/2022/TLPT-LĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022, về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 65/2022/LĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 903/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:* Ông Lâm Văn C, sinh năm 1969 (có mặt).
Địa chỉ: 2 T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1976 (có mặt).
Địa chỉ: 4 Đ, Phường I, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Hợp đồng ủy quyền số 3728, quyền số 02/2022/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Mạnh T, sinh năm 1989 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) và ông Võ Tấn L1, sinh năm 1990 (có mặt) - Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Cùng địa chỉ: 2 X, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH N1.

Trụ sở chính: Tầng A và 19, Tòa nhà V, số E Công Trường M, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L3 (theo Giấy ủy quyền đề ngày 10/01/2023).

Người được ủy quyền lại:

- Ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1984 (vắng mặt);
- Hoặc ông Nguyễn Công P, sinh năm 1960 (vắng mặt);
- Hoặc bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1993 (có mặt);
- Hoặc ông Lê Nhất H1, sinh năm 1996 (có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền đề ngày 10/01/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lương Trung Vân N, sinh năm 1981 (có mặt) - Luật sư Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Cùng địa chỉ: P, tầng B Tòa nhà B, số B H, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Cổ phần L4.

Trụ sở chính: 131 X, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Nguyễn Huyền T2, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(Theo Giấy ủy quyền ngày 22/3/2022).

Địa chỉ liên lạc: A X, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Công ty TNHH T4.

Trụ sở chính: 118 C, khu phố C, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị D – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(Theo Giấy ủy quyền ngày 21/3/2022).

Địa chỉ liên lạc: 118 C, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Ông Lâm Văn C - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 29/6/2020, ngày 03/7/2020; đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 13/01/2022, ngày 26/3/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lâm Văn C do ông Nguyễn Hữu L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông C vào làm việc tại Công ty TNHH N1 (sau đây gọi tắt là Công ty)

theo Hợp đồng lao động số S705 có thời hạn 12 tháng, chức vụ: Lao động phổ thông, địa điểm làm việc tại nhà máy T5, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 07/3/1997, hai bên gia hạn hợp đồng lao động từ có thời hạn thành không thời hạn. Ngày 15/7/1999, hai bên ký phụ lục hợp đồng với chức vụ của ông C là lao động phổ thông II, bộ phận kho vận. Sau đó, các bên thỏa thuận lại vị trí làm việc của ông C là lái xe nâng tại bộ phận xếp dỡ hàng hóa, địa điểm làm việc tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Mức lương thời điểm 6 tháng liền kề trước khi Công ty cho ông nghỉ việc là 9.491.000 đồng/tháng.

Trong suốt thời gian làm việc tại Công ty, ông C luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, không vi phạm kỷ luật lao động, không gây bất cứ thiệt hại vật chất cũng như ảnh hưởng nào đến hình ảnh của Công ty.

Ngày 04/5/2020, Công ty mời ông đến tham gia buổi họp với nội dung chính là chấm dứt hợp đồng lao động với ông kể từ ngày 06/6/2020 (sau này được điều chỉnh lại thành ngày 22/6/2020) với lý do Công ty thay đổi cơ cấu.

Ngày 06/5/2020, Công ty ban hành Thư Thông báo các khoản thanh toán trợ cấp mất việc cho ông mà Công ty sẽ thực hiện chi trả, thông báo kéo dài thời gian chấm dứt hợp đồng lao động với ông C và toàn bộ tài xế lái xe nâng đến ngày 22/6/2020.

Ngày 08/5/2020, Ban chấp hành công đoàn Công ty làm việc với ông và toàn bộ tài xế lái xe nâng.

Ngày 15/5/2020, Công ty B thông báo các khoản trợ cấp mất việc làm bổ sung khi chấm dứt hợp đồng lao động.

Ngày 21/5/2020, Công ty ban hành thông báo cho ông không đến nhà máy làm việc từ ngày 22/5/2020 đến hết ngày 21/6/2020 và vẫn thanh toán đầy đủ tiền lương cho ông đến hết ngày 21/6/2020.

Ngày 17/6/2020, Công ty B Quyết định số 14/20/GL/QĐ-HVB về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông C kể từ ngày 22/6/2020 với lý do thay đổi cơ cấu, tổ chức lại lao động theo quy định tại Điều 44 Bộ luật Lao động năm 2012.

Nhận thấy quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 14/20/GL/QĐ-HVB ngày 17/6/2020 của Công ty TNHH N1 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông và yêu cầu Công ty bồi thường tổng số tiền 912.683.300 đồng, bao gồm:

Thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc (từ ngày 22/6/2020 đến ngày 26/8/2022) theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao

động năm 2012 với số tiền: 26 tháng x 9.491.000 đồng = 246.766.000 đồng.

Bồi thường 04 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 với số tiền: 04 tháng x 9.491.000 đồng = 37.964.000 đồng.

Trợ cấp mất việc theo quy định tại Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2012, với số tiền: 13,5 năm x 9.491.000 đồng = 128.128.500 đồng.

Bồi thường theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 với tổng số tiền 499.824.800 đồng, trong đó: Phụ cấp thêm (05 năm làm việc là 01 tháng lương) là: 24 năm/5 x 9.491.000 đồng = 45.556.800 đồng; trợ cấp bổ sung, hỗ trợ thêm các khoản chênh lệch khi chuyển sang công ty mới 110.000.000 đồng; trợ cấp cố định là 344.268.000 đồng.

Nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải nhận nguyên đơn trở lại làm việc theo hợp đồng lao động các bên đã giao kết.

Tại bản khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH N1 trình bày:

Công ty TNHH N1 xác nhận Công ty và ông Lâm Văn C có giao kết các hợp đồng lao động như trình bày của ông C. Tuy nhiên, Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông C mà Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động với ông C kể từ ngày 22/6/2020 do thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động theo đúng quy định của pháp luật tại khoản 10 Điều 36, Điều 44, Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2012 và điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động, cụ thể:

Ngày 31/3/2020, Công ty quyết định thực hiện việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động cho Bộ phận kho hàng nhà máy liên quan đến nhân sự thuộc bộ phận lái xe nâng của Công ty, cụ thể là giải thể toàn bộ bộ phận lái xe nâng tại kho hàng nhà máy do Công ty quyết định chuyển sang sử dụng dịch vụ thuê ngoài cho hoạt động xếp dỡ hàng hóa đang được thực hiện bởi bộ phận lái xe nâng. Việc thay đổi cơ cấu này dẫn đến dôi dư 16 người lao động là toàn bộ nhân viên lái xe nâng thuộc bộ phận kho hàng nhà máy của Công ty, trong đó có ông C.

Ngày 24/4/2020, Công ty đã có buổi họp với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở để thông báo về việc thay đổi cơ cấu. Nội dung của buổi làm việc là xây dựng phương án sử dụng lao động khi thực hiện việc thay đổi cơ cấu. Việc thay đổi cơ cấu dẫn đến dôi dư lao động đối với 16 người lao động lái xe nâng mà

Công ty không thể bố trí công việc khác nên Công ty buộc phải cho thôi việc những người lao động này. Trong cuộc họp, Công ty đã thể hiện quan điểm là sẽ giải quyết chế độ trợ cấp mất việc làm nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho những người lao động bị ảnh hưởng bởi việc thay đổi cơ cấu. Ban chấp hành Công đoàn cơ sở nêu ý kiến rằng phương án giải quyết đối với các trường hợp lao động nghỉ việc do thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động là tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với chính sách của Công ty. Đồng thời, ngày 24/4/2020 Công ty và Ban chấp hành Công đoàn cơ sở đã ký thông qua phương án sử dụng lao động, trong đó nêu rõ việc Công ty không thể bố trí công việc cho 16 nhân viên lái xe nâng và dùng kinh phí là 1.825.113.500 đồng để giải quyết chế độ cho những người lao động bị mất việc.

Cùng ngày 24/4/2020, Công ty đã gửi Thông báo số HVN/040520-MD01 về phương án sử dụng lao động đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H có nội dung chấm dứt hợp đồng lao động với 16 nhân viên làm việc tại vị trí lái xe nâng kể từ ngày 06/6/2020 dưới hình thức cho thôi việc do thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động và được Sở Lao động , Thương binh và Xã hội Thành phố H xác nhận đã nhận văn bản này vào ngày 04/5/2020.

Ngày 04/5/2020, Công ty đã tổ chức buổi họp với toàn bộ nhân viên lái xe nâng, trong đó có ông C, để thông báo về việc thay đổi cơ cấu và chấm dứt hợp đồng lao động có hiệu lực từ ngày 06/6/2020. Đồng thời, Công ty thông báo về việc giải quyết chế độ mất việc làm cho những người lao động này theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình làm việc, có 10 người lao động đã thỏa thuận với Công ty để cùng ký thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động.

Ngày 06/5/2020, Công ty đã gửi cho ông C3 T3 thông báo các khoản thanh toán trợ cấp mất việc làm do thay đổi cơ cấu mà Công ty sẽ thực hiện chi trả và theo nguyện vọng của các nhân viên tài xế xe nâng, Công ty sẽ kéo dài thời gian chấm dứt hợp đồng lao động với toàn bộ tài xế xe nâng do việc thay đổi cơ cấu đến ngày 22/6/2020 (thay vì ngày 06/6/2020). Đồng thời cũng thông báo rằng, ông C sẽ được Công ty thanh toán các khoản: Tiền lương, phụ cấp, các ngày phép chưa nghỉ đến hết ngày 21/6/2020; tiền trợ cấp mất việc là 128.128.500 đồng; phụ cấp thêm là 45.556.800 đồng; lương trả thêm là 18.982.000 đồng; lương tháng 13 tương ứng với thời gian làm việc từ ngày 01/01/2020 đến ngày 21/6/2020.

Ngày 15/5/2020, để hỗ trợ thêm tài chính cho người lao động bị mất việc do thay đổi cơ cấu, tổ chức lại lao động, Công ty đã gửi thông báo trả thêm khoản trợ cấp bổ sung tính theo thâm niên làm việc cho những nhân viên tài xế

xe nâng bị chấm dứt hợp đồng lao động nếu những người này xác nhận đồng ý đối với khoản trợ cấp bổ sung này. Trong đó, ông C sẽ được Công ty hỗ trợ thêm về quyền lợi, gồm: Trả khoản tiền theo thâm niên làm việc là 110.000.000 đồng và trả tiền thưởng cuối năm tính theo thời gian làm việc từ ngày 01/01/2020 đến ngày 21/6/2020 tùy thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, ông C không đồng ý nhận khoản tiền hỗ trợ thêm này.

Ngày 01/6/2020, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H có Văn bản số 13633/SLĐTBXH-LĐ gửi cho Công ty H2 về việc cho nhiều người lao động thôi việc do thay đổi cơ cấu và Công ty đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Trên thực tế, chế độ trợ cấp mất việc làm cho người lao động trong trường hợp này còn được Công ty giải quyết cao hơn mức luật định, bảo đảm quyền lợi tối đa cho người lao động trong khả năng của Công ty.

Ngày 17/6/2020, Công ty đã gửi Thông báo số HVN/220620-MD01 đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H (được Sở Lao động , Thương binh và Xã hội Thành phố H xác nhận đã nhận văn bản ngày 22/6/2020) để thông báo về một số thay đổi so với nội dung phương án sử dụng lao động theo hướng có lợi hơn cho người lao động với nội dung như sau: Thời gian chấm dứt hợp đồng lao động với toàn bộ tài xế xe nâng được kéo dài đến ngày 22/6/2020 thay vì chấm dứt sớm hơn vào ngày 06/6/2020; Công ty đồng ý trả thêm khoản tiền cho người lao động bị mất việc tính theo thâm niên làm việc như sau: Hỗ trợ 110.000.000 đồng/nhân viên làm việc trên 20 năm, hỗ trợ 80.000.000 đồng/nhân viên làm việc dưới 20 năm nhưng trên 10 năm, hỗ trợ 40.000.000 đồng/nhân viên làm việc dưới 10 năm cho những người lao động có xác nhận đồng ý với mức hỗ trợ bổ sung khi chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty.

Ngày 17/6/2020, Công ty ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 14/20/GL/QĐ-HVB để chấm dứt hợp đồng lao động với ông C từ ngày 22/6/2020 là đúng quy định của pháp luật. Khi chấm dứt hợp đồng lao động với ông C, Công ty đã thanh toán đầy đủ các quyền lợi cho ông C số tiền 209.933.210 đồng (sau khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tiền bảo hiểm xã hội nộp cho cơ quan nhà nước). Ngoài ra, Công ty đã gửi thông báo trả thêm khoản trợ cấp bổ sung tính theo thâm niên làm việc là 110.000.000 đồng cho ông C nếu ông xác nhận đồng ý đối với khoản trợ cấp bổ sung này khi chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, ông C đã không đồng ý nhận khoản tiền hỗ trợ thêm này. Do đó, Công ty không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản ý kiến đề ngày 22/3/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần L4 trình bày:

Công ty Cổ phần L4 (gọi tắt là Công ty L4) và Công ty TNHH N1 (gọi tắt là Công ty) có ký Hợp đồng dịch vụ số HNK 194904-HVB ngày 16/6/2020, bản bổ sung điều chỉnh và các phụ lục kèm theo. Theo đó, Công ty L4 đã cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng hóa (luân chuyển, xếp dỡ hàng hóa là thành phẩm, vỏ chai, nguyên vật liệu trong khu vực kho và đến địa điểm cần luân chuyển đến) theo yêu cầu của Công ty tại kho hàng có địa chỉ: A L, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tùy vào từng thời điểm (mùa cao điểm hay mùa thấp điểm), Công ty sẽ thông báo để Công ty L4 điều động nhân sự để đảm bảo dịch vụ được thực hiện đúng tiến độ. Căn cứ khối lượng công việc được nghiệm thu thực tế hàng tháng, Công ty sẽ xác nhận phí dịch vụ và thanh toán cho Công ty L4. Để thực hiện hợp đồng, Công ty L4 đã thỏa thuận với Công ty để Công ty L4 sử dụng các thiết bị xe nâng hàng mà Công ty L4 đã thuê của Công ty TNHH H3 (Việt Nam) và giao cho người lao động của Công ty L&A sử dụng trong quá trình thực hiện luân chuyển và xếp dỡ hàng hóa. Do công việc diễn ra hàng ngày và để thuận tiện cho các bên nên các xe nâng hàng mà Công ty L4 thuê để sử dụng cho việc cung cấp dịch vụ cho Công ty được gửi lại tại kho hàng của Công ty. Tại kho hàng Quận A, ngoài Công ty L4 còn có Công ty TNHH T4 cũng thực hiện hoạt động bốc xếp hàng hóa cho Công ty tại đây, ngoài ra không còn đơn vị dịch vụ nào khác và cũng không có người lao động nào của Công ty thực hiện hoạt động bốc xếp hàng hóa tại đây. Công ty L4 không có ý kiến hay yêu cầu gì khác liên quan đến vụ án và đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Tại bản ý kiến đề ngày 21/3/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T4 trình bày:

Công ty TNHH T4 (gọi tắt là Công ty T4) và Công ty TNHH N1 (gọi tắt là Công ty) có ký Hợp đồng dịch vụ số HNK 206346 ngày 01/5/2021. Theo đó, Công ty T4 cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng hóa có sử dụng phương tiện hỗ trợ tại các địa điểm có chỉ định của Công ty, phạm vi công việc là luân chuyển, xếp dỡ hàng hóa là thành phẩm, vỏ chai, nguyên vật liệu trong khu vực kho và đến địa điểm cần luân chuyển theo yêu cầu của Công ty, trong đó bao gồm kho hàng có liên quan đến vụ án tại địa chỉ: A L, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Cách thức cung cấp dịch vụ giữa hai bên như sau: Công ty thông báo cho Công ty T4 biết số lượng hàng hóa cần bốc xếp tùy từng thời điểm, sau đó Công ty T4 sẽ tính toán và lên kế hoạch thực hiện điều động nhân sự, phương tiện để

thực hiện công việc đúng tiến độ và yêu cầu sử dụng dịch vụ của Công ty. Nhân sự được điều động cung cấp dịch vụ cho Công ty là người lao động của Công ty T4, còn phương tiện làm việc thì Công ty T4 thuê xe nâng hàng của Công ty TNHH H3 (Việt Nam) để giao cho nhân sự sử dụng để thực hiện dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại địa điểm của Công ty, xe nâng cũng được gửi lại tại nơi thực hiện công việc sau mỗi ngày làm việc. Hàng tháng, Công ty T4 và Công ty sẽ đối chiếu khối lượng công việc được thực hiện trong phạm vi dịch vụ đã thỏa thuận để tính chi phí dịch vụ. Trong quá trình cung cấp dịch vụ tại kho hàng Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ngoài Công ty T4 còn có Công ty Cổ phần L4 cũng thực hiện hoạt động bốc xếp hàng hóa cho Công ty tại đây, ngoài ra không có người lao động nào của Công ty thực hiện hoạt động bốc xếp hàng hóa tại đây. Công ty T4 không có ý kiến hay yêu cầu gì khác liên quan đến vụ án và đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu tính tiền lương đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/8/2022) và yêu cầu hủy Quyết định số 14/20/GL/QĐ-HVB ngày 17/6/2020 của Công ty TNHH N1 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 65/2022/LĐ-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:
 - Yêu cầu hủy Quyết định số 14/20/GL/QĐ-HVB ngày 17/6/2020 của Công ty TNHH N1 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Lâm Văn C.
 - Yêu cầu Công ty TNHH N1 bồi thường cho ông Lâm Văn C số tiền 912.683.300 đồng, bao gồm: Thanh toán tiền lương trong những ngày ông Lâm Văn C không được làm việc cho Công ty TNHH N1 từ ngày 22/6/2020 đến ngày 26/8/2022 là 246.766.000 đồng, bồi thường 04 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 là 37.964.000 đồng, trợ cấp mất việc theo quy định tại Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2012 là 128.128.500 đồng, bồi thường theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 là 499.824.800 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn C về việc yêu cầu Công ty TNHH N1 phải nhận ông Lâm Văn C trở lại làm việc theo hợp đồng lao động các bên đã giao kết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của đương sự trong giai đoạn thi hành án, thời hạn thi hành án.

Ngày 12/9/2022, nguyên đơn ông Lâm Văn C nộp Đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án lao động sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Nguyên đơn do ông Nguyễn Hữu L đại diện theo ủy quyền xác nhận ông Lâm Văn C có tham gia cuộc họp ngày 04/5/2020, đã được Công ty thông báo sẽ chuyển sang dịch vụ thuê ngoài cho hoạt động xếp dỡ hàng hóa kể từ ngày 06/6/2020 và trao đổi về việc chấm dứt hợp đồng lao động, giải quyết chế độ mất việc làm, đã đọc và ký tên vào Biên bản cuộc họp. Tính đến ngày 22/6/2020, nguyên đơn đã nhận từ Công ty số tiền là 218.966.195 đồng. Sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân, tiền bảo hiểm xã hội nộp cho cơ quan nhà nước, thực tế nguyên đơn đã được nhận số tiền 209.933.210 đồng và không có yêu cầu gì về tiền lương và các khoản trợ cấp trước khi nghỉ việc. Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án lao động sơ thẩm.

Bị đơn do bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Nhất H1 đại diện theo ủy quyền không đồng ý toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Luật sư Võ Tấn L1 - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không triệu tập Công đoàn cơ sở của Công ty tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vi phạm các quy định tại khoản 3 Điều 44, Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 6, 7 Luật Công đoàn năm 2012, khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đánh giá không đúng các công văn số 15168/SLĐTBXH-LĐ ngày 12/5/2021 và 13633/SLĐTBXH-LĐ ngày 01/6/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H. Các văn bản này không thể hiện nội dung Công ty đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, không khẳng định phương án sử dụng lao động hay biên bản phiên họp với đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở đã đảm bảo đầy đủ, đúng pháp lý, bảo đảm quyền lợi cho người lao động. Theo nội dung Thông báo ngày 17/6/2020, Công ty đã thay đổi thời hạn chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 06/6/2020 sang ngày 22/6/2020 là đã thay đổi hiệu lực chấm dứt hợp đồng, chưa đảm bảo thời hạn báo trước 30 ngày cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, đánh giá

chứng cứ chưa toàn diện, không khách quan, xác định việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông C do thay đổi cơ cấu là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn – Luật sư Lương Trung Vân N trình bày: Công ty đã thực hiện thay đổi cơ cấu tổ chức thuộc bộ phận lái xe nâng theo Quyết định số MD2904 ngày 31/3/2020, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Lao động năm 2012. Trước khi chấm dứt hợp đồng lao động, ngày 24/4/2020 Công ty đã xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động có sự tham gia của Ban chấp hành công đoàn cơ sở theo đúng quy định tại Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2012 và Công ty đã thông báo trước với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H về việc cho thôi việc đối với 16 lao động (trong đó có ông C) do thay đổi cơ cấu trước 30 ngày theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 44 Bộ luật Lao động năm 2012. Công ty đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục để chấm dứt hợp đồng lao động với ông C khi cho người lao động thôi việc. Do tính chất đặc thù của công việc là người điều khiển xe nâng để vận chuyển hàng hóa trong khu vực kho hàng nhà máy nên Công ty không có và không thể tái bố trí công việc nào khác phù hợp với chuyên môn của người lao động. Sau khi quyết định thay đổi cơ cấu, Công ty đã giải thể toàn bộ bộ phận bốc dỡ hàng hóa, Công ty cũng không tuyển dụng, sử dụng bất kỳ người lao động nào thực hiện hoạt động bốc dỡ hàng hóa mà hoạt động này được thực hiện bởi hai Công ty L4 và Công ty T4. Tại thời điểm Công ty thực hiện việc thay đổi cơ cấu, pháp luật lao động không quy định Công ty phải báo trước với người lao động việc thay đổi cơ cấu tổ chức, phải công khai phương án sử dụng lao động và việc cho người lao động thôi việc do thay đổi cơ cấu tổ chức nhưng để đảm bảo quyền lợi cho người lao động nên Công ty đã tổ chức cuộc họp ngày 04/5/2020 để thông báo và tìm hiểu mong muốn, nguyện vọng của những người lao động liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng lao động do thay đổi cơ cấu tổ chức. Nhận thấy Công ty đã thanh toán đầy đủ các quyền lợi cho ông C khi chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại các Điều 44, 47, 49 Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 8 Điều 1 Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ và tại phiên tòa ông C cũng xác nhận đã nhận đầy đủ số tiền 209.933.210 đồng mà Công ty đã thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng lao động với ông. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho

rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đánh giá không đúng, không toàn diện các tài liệu, chứng cứ, không khách quan khi giải quyết vụ án, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Có thông báo bằng văn bản cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp về việc thụ lý vụ án, quyết định xét xử cùng hồ sơ vụ án chuyển Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm Văn C không có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 65/2022/LĐ-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo nộp ngày 12/9/2022 của nguyên đơn thực hiện trong thời hạn luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[1.2] Việc xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 17/6/2020, Công ty B Quyết định số 14/20/GL/QĐ-HVB có nội dung chấm dứt hợp đồng lao động với ông C kể từ ngày 22/6/2020. Ngày 29/6/2020, ông C nộp đơn khởi kiện Công ty tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012, việc khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm Văn C:

[2.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự xác nhận của đương sự, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã giao kết hợp đồng lao động số S705 có thời hạn 12 tháng; chức vụ: Lao động phổ thông; địa điểm làm việc tại nhà máy T5, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 07/3/1997, hai bên gia hạn hợp đồng lao động từ hợp đồng lao động có thời hạn thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Ngày 15/7/1999, hai bên ký phụ lục hợp đồng với chức vụ của nguyên đơn là lao động phổ thông II, bộ phận kho vận. Sau đó, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lại vị trí làm việc của nguyên đơn là lái xe nâng tại bộ phận xếp dỡ hàng hóa, địa điểm làm việc tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Mức lương thời điểm 6 tháng liền kề trước khi bị đơn cho nguyên đơn nghỉ việc là 9.491.000 đồng/tháng.

[2.2] Xét thấy ngày 31/3/2020, Công ty thực hiện việc thay đổi cơ cấu tổ chức, giải thể toàn bộ bộ phận lái xe nâng tại kho hàng nhà máy do chuyển sang sử dụng dịch vụ thuê ngoài cho hoạt động xếp dỡ hàng hóa đang được thực hiện bởi bộ phận lái xe nâng. Ngày 24/4/2020, Công ty ban hành Thông báo số HVN/040520-MD01 về phương án sử dụng lao động - chuyển đổi sang dịch vụ thuê ngoài cho hoạt động xếp dỡ hàng hóa; đồng thời Công ty đã có cuộc họp với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở thông báo về việc thay đổi cơ cấu, xây dựng phương án sử dụng lao động. Đến ngày 04/5/2020, Công ty đã tổ chức cuộc họp với toàn bộ nhân viên lái xe nâng, trong đó có ông C để thông báo về việc thay đổi cơ cấu, chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 06/6/2020 và thông báo về việc giải quyết chế độ mất việc làm cho những người lao động. Ngày 06/5/2020, Công ty đã gửi cho ông C văn bản thông báo các khoản thanh toán trợ cấp mất việc làm do thay đổi cơ cấu mà Công ty sẽ thực hiện chi trả cho ông C và kéo dài thời gian chấm dứt hợp đồng lao động với toàn bộ tài xế xe nâng do việc thay đổi cơ cấu đến ngày 22/6/2020. Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, ông C xác định ngày 04/5/2020 có tham gia cuộc họp với Công ty và

biết được quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức, sẽ giải thể toàn bộ bộ phận lái xe nâng, chuyển sang thuê dịch vụ bên ngoài như dự kiến ban đầu. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng Công văn 13633/SLĐTBXH-LĐ ngày 01/6/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H là giả mạo, Công ty đã làm sai lệch hồ sơ vụ án nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này. Căn cứ các khoản 2, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến này của nguyên đơn.

[2.3] Khi Công ty X sử dụng lao động, có sự tham gia của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở. Ngày 24/4/2020, Công ty đã gửi Thông báo số HVN/040520-MD01 về phương án sử dụng lao động đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H có nội dung chấm dứt hợp đồng lao động với 16 nhân viên làm việc tại vị trí lái xe nâng kể từ ngày 06/6/2020 dưới hình thức cho thôi việc do thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động, đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H xác nhận tại Công văn số 13633/SLĐTBXH-LĐ ngày 01/6/2020 và Công văn số 15168/SLĐTBXH-LĐ ngày 12/5/2021. Như vậy, có cơ sở xác định Công ty đã thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh trước 30 ngày việc chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn do thay đổi cơ cấu tổ chức. Theo nội dung Thông báo số HVN/220620-MD01 ngày 17/6/2020 của Công ty gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H thể hiện: “Theo nguyện vọng của một số nhân viên muốn có thêm thời gian để sắp xếp công việc mới. Do vậy, ngày hiệu lực chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH N1 sẽ thay đổi từ ngày 06/06/2020 sang ngày 22/06/2020... Trong số 16 nhân viên thì 10 nhân viên đã chấp nhận với Thỏa thuận chấm dứt HĐLĐ với Công ty để có thêm khoản hỗ trợ bổ sung theo thâm niên làm việc... 06 nhân viên còn lại không chấp nhận với khoản hỗ trợ bổ sung trên và Công ty đã ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động do thay đổi cơ cấu, tổ chức lại lao động theo điều 44 Bộ luật lao động và thanh toán các khoản như đã thông báo cho Sở ngày 04/05/2020”. Hội đồng xét xử xét thấy, Thông báo số 220620-MD01 ngày 17/6/2020 không phải là thông báo về việc cho nhiều người lao động thôi việc vì lý do thay đổi cơ cấu do Công ty gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H lần đầu và thay thế Thông báo số HVN/040520-MD01 ngày 24/4/2020. Việc kéo dài thời hạn chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 06/6/2020 sang ngày 22/6/2020 là có lợi cho ông C và những người lao động khác, đáp ứng yêu cầu của người lao động muốn có thêm thời gian để sắp xếp công việc mới. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Thông báo HVN/220620-MD01 ngày 17/6/2020 đã thay

đổi thời hạn chấm dứt hợp đồng lao động của ông C và chưa đảm bảo thời hạn báo trước 30 ngày cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[2.4] Căn cứ Hợp đồng dịch vụ số HNK 194904-HVB ngày 16/6/2020, bản bổ sung điều chỉnh và các phụ lục kèm theo giữa Công ty Cổ phần L4 và Công ty; Hợp đồng dịch vụ số HNK 206346 ngày 01/5/2021 giữa Công ty TNHH T4 và Công ty có cơ sở xác định từ tháng 6/2020 đến khi xét xử sơ thẩm, Công ty đã thuê hai Công ty trên thực hiện dịch vụ bốc xếp hàng hóa (luân chuyển, xếp dỡ hàng hóa là thành phẩm, vỏ chai, nguyên vật liệu trong khu vực kho và đến địa điểm cần luân chuyển đến) theo yêu cầu của Công ty tại kho hàng có địa chỉ tại A L, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, không ký hợp đồng lao động thực hiện công việc lái xe nâng với người lao động khác.

[2.5] Từ những nhận định trên, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông C phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 36, các Điều 44, 46 và Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động năm 2012 và Điều 7 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ L5 hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên.

[2.6] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải nhận nguyên đơn trở lại làm việc theo hợp đồng lao động các bên đã giao kết. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp nên Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên.

[2.7] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Võ Tấn L1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không đưa Ban chấp hành công đoàn cơ sở Công ty tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để triệu tập Ban chấp hành công đoàn cơ sở Công ty. Căn cứ Điều 44 Bộ luật Lao động năm 2012, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này. Việc đánh giá chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm, xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án đã được Tòa án cấp phúc thẩm nhận

định tại phần trên của bản án nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2.8] Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 65/2022/LĐ-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí lao động sơ thẩm và án phí lao động phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 16 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 148, Điều 293, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

Khoản 10 Điều 36, các Điều 44, 46 và Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012;

Khoản 3 Điều 13 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm Văn C. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 65/2022/LĐ-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

1.1. Yêu cầu hủy Quyết định số 14/20/GL/QĐ-HVB ngày 17/6/2020 của Công ty TNHH N1 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Lâm Văn C.

1.2. Yêu cầu Công ty TNHH N1 bồi thường cho ông Lâm Văn C số tiền 912.683.300 đồng, bao gồm: Thanh toán tiền lương trong những ngày ông Lâm Văn C không được làm việc từ ngày 22/6/2020 đến ngày 26/8/2022 là 246.766.000 đồng, bồi thường 04 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 là 37.964.000 đồng, trợ cấp mất việc theo quy định tại Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2012 là 128.128.500 đồng, bồi thường theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 là 499.824.800 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn C về việc yêu cầu Công ty TNHH N1 phải nhận ông Lâm Văn C trở lại làm việc theo hợp đồng lao động các bên đã giao kết.

3. Án phí lao động sơ thẩm:

3.1. Ông Lâm Văn C được miễn án phí lao động sơ thẩm.

3.2. Công ty TNHH N1 không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

4. Án phí lao động phúc thẩm:

4.1. Ông Lâm Văn C được miễn án phí lao động phúc thẩm.

4.2. Công ty TNHH N1 không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Đường sự;
- Lưu (T20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Trúc

